TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 02 – 2024
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm
Bà Đoàn Thị Bẩy

Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Ngọc Mai - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 688/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Tuyết L. Sinh năm 1979 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp 3, xã V, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Bị đơn: Ông Nguyễn Thành P. Sinh năm 1978 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp 3, xã V, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà Ngô Tuyết L trình bày và xác định yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà với ông Nguyễn Thành P tự nguyện kết hôn vào ngày 18/12/2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, ông P không đồng ý cho bà đi làm để kiếm thêm thu nhập. Đồng thời, ông P thường xuyên đi uống rượu về lớn tiếng chửi mắng, ghen tuông vô cớ. Hiện bà với ông P đã ly thân nhau hơn 03 năm nay, bà xác định không còn tình cảm, không thể chung

sống được nữa với ông P nên yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành P.

Về con chung: Có hai người con tên Nguyễn Tuyết Ng (giới tính: nữ), sinh ngày 16/9/1998 và Nguyễn Minh T (giới tính: nam), sinh ngày 24/9/2013. Hiện cháu Ng đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Tr hiện đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Nguyễn Thành P: Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông biết tham gia tố tụng tại vụ án nhưng ông P đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thành P đến để tham gia các phiên xét xử nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Bà L và ông P tự nguyện kết hôn vào ngày 18/12/2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2000, quyển số 01) đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Bà L yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Quá trình chung sống bà L xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã ly thân nhau từ 03 năm nay, không còn tình cảm với nhau, bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông P được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P. Đối với ông P đã biết việc bà L xin ly hôn nhưng không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình, không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo như trình bày của bà L và chấp nhận cho bà L ly hôn với ông P.

[4] Về con chung: Có hai người con chung Nguyễn Tuyết ân (giới tính: nữ), sinh ngày 16/9/1998 và Nguyễn Minh Tr (giới tính: nam), sinh ngày 24/9/2013. Hiện cháu Ng đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu T hiện đang sống với bà, khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Ông P không có ý kiến về yêu cầu này của bà L. Nguyện vọng của cháu Tr là muốn sống cùng

mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Thực tế con cũng đang sống cùng bà L, để tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của cháu nên tiếp tục giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà L không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với ông P, đây là sự tự nguyện của bà L, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Ông P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có. Ông P không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề này nên chấp nhận ý kiến của bà L.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình, bà L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Ngô Tuyết L ly hôn với ông Nguyễn Thành P.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 24/9/2013 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với ông P.

Ông P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Tuyết L phải chịu 300.000đồng. Ngày 29/11/2023, bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0007725 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- UBND xã Tắc Vân, Tp. Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thùy Nhiêu